

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Phát	Sang	3671031278	13/12/1994	8,00	,40	2,70	
2	Trần Ngọc Duy	Khương	3671031279	09/12/1993	6,50	,00	2,00	
3	Đỗ Văn	Toàn	3671031280	05/12/1994	8,00	3,40	4,80	
4	Nguyễn Văn	Tùng	3671031282	29/11/1993	8,00	1,30	3,30	
5	Trần Anh	Nhật	3671031290	04/11/1993	7,00	1,60	3,20	
6	Nguyễn Thanh	Sang	3671031291	07/10/1994	8,00	,00	2,40	
7	Bá Quang	Đàng	3671031295	04/03/1993	8,00	1,40	3,40	
8	Nguyễn Trọng	Vấn	3671031300	10/09/1994	8,00	5,10	6,00	
9	Hoàng Văn	Đức	3671031301	21/09/1994	7,00	3,00	4,20	
10	Nguyễn Văn	Bảo	3671031305	19/05/1994	8,00	2,20	3,90	
11	Trần Quang	Chung	3671031454	30/10/1994	6,50	,00	2,00	
12	Nguyễn Tấn	Anh	3671031456	10/10/1994	8,00	4,30	5,40	
13	Nguyễn Đức	Trọng	3671031466	17/10/1993	8,00	2,30	4,00	
14	Nguyễn Thanh	Viêm	3671031467	21/06/1994	6,00	,00	1,80	
15	Nguyễn Đình	Sơn	3671031468	18/12/1994	6,50	,00	2,00	
16	Bùi Văn	Quang	3671031471	06/10/1993	8,00	1,30	3,30	
17	Đỗ Tấn	Khang	3671031476	11/02/1994	7,00	3,80	4,80	
18	Phạm Văn	Nghĩa	3671031478	22/06/1992	8,00	3,80	5,10	
19	Nguyễn Hữu	Tuấn	3671031484	27/09/1994	8,00	1,10	3,20	
20	Lê Văn	Hậu	3671031488	06/04/1993	8,00	,70	2,90	
21	Trần Bình	Tâm	3671031492	02/09/1993	6,50	,00	2,00	
22	Nguyễn Viết	Sơn	3671031495	26/06/1993	8,00	1,50	3,50	
23	Tạ Anh	Phương	3671031497	22/05/1994	8,00	2,00	3,80	
24	Lê Hải	Vân	3671031498	21/03/1994	7,00	,00	2,10	
25	Phạm Đình	Tuấn	3671031504	19/04/1994	8,00	1,60	3,50	
26	Võ Bách	Khoa	3671031505	03/02/1994	6,50	,00	2,00	
27	Lê Văn	Muồng	3671031510	22/05/1994	8,00	,00	2,40	
28	Nguyễn Quang	Công	3671031512	16/09/1989	8,00	1,60	3,50	
29	Nguyễn Thành	Phong	3671031513	04/10/1994	8,00	3,70	5,00	
30	Nguyễn Văn	Hải	3671031514	02/06/1994	6,50	5,00	5,50	
31	Lê Văn	Độ	3671031523	20/11/1994	8,00	1,00	3,10	
32	Nguyễn Bình	Triệu	3671031526	13/07/1993	7,00	,00	2,10	
33	Nguyễn Vương	Lộc	3671031544	03/06/1994	7,50	4,50	5,40	
34	Nguyễn Đăng	Hải	3671031549	12/03/1993	5,50	4,00	4,50	
35	Nguyễn Công	Hiếu	3671031550	12/09/1994	8,00	,60	2,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Hùng	Mạnh	3671031553	03/02/1994	5,00	,00	1,50	
37	Phan Tấn	Mạnh	3671031557	14/04/1994	6,50	,00	2,00	
38	Trương Thị Kim	Nguyệt	3671031559	09/04/1994	8,00	3,10	4,60	
39	Nguyễn Thành	Luân	3671031563	06/01/1994	8,00	3,50	4,90	
40	Nguyễn Thị	Lộc	3671031567	26/06/1994	8,00	2,00	3,80	
41	Đỗ Thanh	Cừ	3671031584	31/05/1994	7,50	,70	2,70	
42	Trần Viết	Tiến	3671031590	15/09/1994	7,00	1,70	3,30	
43	Nguyễn Bình	Danh	3671031591	16/04/1994	6,50	,00	2,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)